

BÁO CÁO

Tình hình giá cả thị trường trong và sau Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022

Thực hiện Chỉ thị số 02/CT-BTC ngày 25/11/2021 của Bộ Tài chính về việc tăng cường công tác quản lý, điều hành và bình ổn giá trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022,

Sở Tài chính Hà Nam báo cáo tình hình giá cả thị trường trong và sau Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022 như sau:

Nhìn chung, tình hình giá cả thị trường cung, cầu hàng hóa Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm nay không nhộn nhịp, tấp nập bằng các năm trước. Nguồn cung hàng hóa dồi dào, tuy nhiên nhu cầu về hàng hóa giảm bởi tâm lý lo ngại của người dân trước tình hình diễn biến của dịch bệnh Covid-19 và năm nay nhu cầu có khả năng thanh toán của người dân thấp hơn, do việc làm ảnh hưởng bởi Covid. Thị trường giá cả hàng hoá ổn định, không có tăng giá đột biến, cũng như tình trạng găm hàng hóa được cơ quan quản lý tăng cường kiểm tra, giám sát, chống gian lận thương mại, hàng giả, kiểm soát chặt chẽ.

Bên cạnh đó, các ngành chức năng đã tăng cường công tác quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, quản lý thị trường, chống đầu cơ, buôn lậu, gian lận thương mại; đảm bảo nhu cầu hàng hóa, nhất là đối với những mặt hàng thiết yếu, các dịch vụ công thông suốt để phục vụ đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhân dân và doanh nghiệp. Những ngày cận Tết Nguyên đán, giá một số mặt hàng thiết yếu tăng nhẹ, đặc biệt là các mặt hàng thực phẩm tươi sống, có nhu cầu tiêu dùng cao như thịt lợn, thịt bò, các loại quả và một số mặt hàng rau củ trong tỉnh không sản xuất được.

Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022 mặc dù được nghỉ liên tục 9 ngày nhưng tâm lý nhiều người dân không tích trữ nhiều thức ăn mà có xu hướng đi chợ mua sắm sớm. Tại các chợ truyền thống giá các mặt hàng thiết yếu đã dần trở lại bình thường trong những ngày sau Tết. Từ sáng mùng 2 Tết nhiều tiểu thương đã bày bán hàng hóa, chủ yếu là thực phẩm tại các chợ và điểm mua bán. Hàng hóa được bày bán trong những ngày này chủ yếu là cá, thịt bò, rau xanh, đậu và các loại hải sản...

Sau Tết là thời điểm diễn ra các lễ hội nhưng do ảnh hưởng bởi dịch bệnh tái bùng phát nên dịch vụ du lịch, vui chơi, giải trí, dịch vụ trông giữ xe chịu ảnh hưởng nhất định từ tình hình dịch bệnh và việc hạn chế tổ chức lễ hội đầu năm; cũng như người dân cũng đã mua sắm đủ trước Tết nên nhu cầu mua hàng hóa không cao.

Diễn biến giá một số hàng hoá cụ thể như sau:

+ Giá gạo tẻ thường dao động trong khoảng từ 11.000-13.000đ/kg; Giá gạo tám thơm Hải Hậu dao động trong khoảng từ 18.000đ/kg-20.000đ/kg; gạo tám Điện Biên dao động từ 16.000 – 18.000đ/kg,..

- Giá một số loại thực phẩm tươi sống:

+ Giá các loại thịt: Giá thịt lợn hơi dao động từ 63.000đ/kg đến 65.000đ/kg; thịt lợn thăn dao động từ 120.000đ/kg đến 140.000đ/kg; thịt lợn mỡ sấn từ 100.000-120.000đ/kg, giá thịt bò thăn dao động từ 280.000đ/kg đến 300.000đ/kg; gà ta còn sống loại 1,5kg giá từ 130.000đ/kg đến 150.000đ/kg; gà công nghiệp làm sẵn dao động từ 60.000đ/kg đến 65.000đ/kg...

+ Giá một số loại thủy, hải sản: cá chép loại 1kg/con giá dao động từ 50.000 đ/kg đến 55.000 đ/kg; cá quả (cá lóc) loại 0,5kg/con giá dao động từ 90.000 đ/kg đến 100.000 đ/kg, cá thu loại 1 kg giá từ 150.000 đ/kg-170.000đ/kg, tôm thẻ chân trắng loại 40con/kg có giá từ 250.000đ – 270.000đ/kg,...

- Giá một số loại rau, củ: Cà chua: 15.000đ/kg-20.000đ/kg; bí xanh 13.000đ/kg-15.000đ/kg, súp lơ xanh 7.000-12.000 đồng/cái, bắp cải: 7.000 – 10.000 đồng/cái; su hào: 2.000 – 4.000 đồng/củ; khoai tây 10.000-15.000 đ/kg...

- Giá một số mặt hàng bánh kẹo, thuốc lá, đồ uống, nước giải khát, đường RE giá dao động từ 22.000 đ/kg đến 23.000đ/kg; bia lon Hà Nội giá dao động từ 250.000 đ/thùng đến 260.000 đồng/thùng; Mứt tết Hữu Nghị loại 300g/hộp dao động từ 70.000 đ/hộp - 80.000đ/hộp; Bánh quy Cosy loại (hộp thiếc) 546g có giá 129.000 đ/hộp; Bánh Choco-pie 12 cái loại 396g dao động từ 50.000 – 55.000 đ/hộp...

(có biểu chi tiết kèm theo)

Trên đây là tình hình giá cả thị trường trong và sau Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022 trên địa bàn tỉnh Hà Nam. Sở Tài chính Hà Nam trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý Giá (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, GCS.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Thư

DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG TẾT NGUYÊN ĐÁN NHÂM DẦN 2022

(Kèm theo Báo cáo số: 193 /BC-STC ngày 04 tháng 02 năm 2022 của Sở Tài chính Hà Nam)

TT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Đơn giá (đồng)	Ghi chú
1	Gạo tám Hải hậu	đ/kg	18.000	
2	Gạo Bắc thơm Hải hậu	đ/kg	20.000	
3	Giò lụa	đ/kg	140.000	
4	Bánh chưng loại 1kg/cái	đ/cái	50.000	
5	Lạc nhân	đ/kg	50.000	
6	Trứng gà ta	đ/quả	3.500	
7	Trứng vịt	đ/quả	3.000	
8	Cá quả loại 1Kg/con	đ/kg	120.000	
9	Cá Chép loại 0,5kg/con	đ/kg	50.000	
10	Cá trắm cỏ loại 1 kg/con	đ/kg	65.000	
11	Tôm sú (loại 21-25 con/kg)	đ/kg	450.000	
12	Cam canh	đ/kg	60.000	
14	Bưởi diễm	đ/quả	18.000	
15	Chuối Xanh	đ/nải	70.000	
18	Thanh long	đ/kg	20.000	
20	Táo	đ/kg	40.000	
21	Sữa ông thọ	đ/hộp	20.000	
22	Đường trắng	đ/kg	23.000	
23	Bánh Chocopie Orion Hộp 396 Gr 12 Gói	Hộp	50.000,	
24	Mứt tết Hữu Nghị quai xách 300gram	Hộp	70.000	
26	Kẹo lạc Hải Châu	đ/túi	22.000	
28	Bánh Kinh đô Cosy gói 600g	đ/hộp	125.000	
29	Hạt dưa đỏ	đ/kg	80.000	
30	Hạt Bí	đ/kg	100.000	
31	Hạt Hướng Dương	đ/kg	55.000	
32	Chè Thái Nguyên Ngon	đ/kg	800.000	
33	Rượu Vang Thăng Long Loại 700ml	đ/chai	80.000	
34	Rượu vang đỏ loại 700ml	đ/chai	82.000	
35	Rượu men loại 500ml	đ/chai	68.000	
36	Nước cam twister lon 330ml	đ/thùng	190.000	
37	Cocacola lon	đ/thùng	185.000	
39	Bia chai Hà Nội 450ml	đ/két	180.000	

TT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Đơn giá (đồng)	Ghi chú
40	Bia Sài Gòn Special lon 330ml	đ/thùng	290.000	
41	Bia Henniken lon 330ml	đ/thùng	410.000	
42	Trà Bí đao	đ/thùng	135.000	
43	Thuốc lá Vinataba	đ/cây	200.000	
44	Thuốc lá Thăng Long	đ/cây	120.000	
45	Cà phê hòa tan G7	đ/hộp	60.000	
46	Gà ta còn sống (loại 1kg)	đ/kg	110.000	
47	Thịt lợn hơi	đ/kg	63.000	
48	Thịt lợn thăn	đ/kg	140.000	
49	Thịt lợn mỡ	đ/kg	120.000	
50	Thịt bò thăn	đ/kg	290.000	
51	Măng khô loại ngon	đ/kg	230.000	
52	Mộc nhĩ	đ/kg	130.000	
53	Nấm hương	đ/kg	280.000	
54	Miến dong	đ/kg	43.000	
55	Dầu ăn Neptune loại 1lít	đ/lít	53.000	
56	Mì chính loại 454gram Ajinomoto	đ/gói	35.000	
57	Nước mắm Nam ngư loại 500ml	đ/chai	30.000	
58	Đỗ xanh bóc vỏ	đ/kg	45.000	
59	Rau bắp cải ta	đ/cái	8.000	
60	Cà chua	đ/kg	20.000	
61	Súp lơ	đ/cái	12.000	
62	Su hào	đ/củ	3.000	
63	Hoa ly	đ/cành	15.000	
64	Hoa hồng Đà Lạt	đ/bông	10.000	
65	Hoa cúc Đà Lạt	đ/bông	10.000	